

BẢNG ĐIỂM KỲ THI
CHỨNG CHỈ TIN HỌC ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN

Ngày Thi: 10/8/2025

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
1	BKCB8044	Nguyễn Huỳnh Mai	An	14/05/2003	Ninh Thuận	3,0	1,83	Không đạt	
2	BKCB8045	Đậu Duy	Anh	06/06/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	6,67	3,67	Không đạt	
3	BKCB8046	Nguyễn Hoàng	Anh	01/03/2000	Tiền Giang	9,0	8,67	Đạt	
4	BKCB8047	Nguyễn Quốc	Anh	25/10/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	8,67	9,5	Đạt	
5	BKCB8048	Trần Quỳnh	Anh	16/08/1999	Đắk Lắk				Vắng
6	BKCB8049	Trần Thị Thúy	Anh	05/07/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	10,0	8,83	Đạt	
7	BKCB8050	Hoàng Mai	Anh	25/08/2006	Bình Thuận	10,0	9,5	Đạt	
8	BKCB8051	Lê Quốc	Bình	01/05/2006	Quảng Trị	8,0	5,67	Đạt	
9	BKCB8052	Nguyễn An	Bình	19/12/2004	Bình Phước	9,33	9,17	Đạt	
10	BKCB8053	Bùi Tú	Cần	19/01/1999	Đắk Lắk	8,67	9,33	Đạt	
11	BKCB8054	Lê Minh	Châu	03/12/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	7,0	7,67	Đạt	
12	BKCB8055	Lưu Bảo	Châu	29/09/2006	Đồng Tháp	6,33	7,0	Đạt	
13	BKCB8056	Nguyễn Trần Hải	Đảng	27/10/2005	Bến Tre	6,67	8,33	Đạt	
14	BKCB8057	Nguyễn Hữu	Danh	25/09/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	6,67	9,17	Đạt	
15	BKCB8058	Lê Thanh Thành	Đạt	16/12/2005	Thành phố Hồ Chí Minh				Vắng
16	BKCB8059	Lê Thị Kiều	Diễm	07/11/2004	Long An	9,67	9,0	Đạt	
17	BKCB8060	Phạm Nguyệt Kiều	Diễm	07/11/2006	Bình Định	8,0	8,33	Đạt	
18	BKCB8061	Hà Mỹ	Dịu	19/05/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	6,67	7,83	Đạt	
19	BKCB8062	Đỗ Việt Minh	Đức	25/10/2005	Bình Định	9,67	8,17	Đạt	
20	BKCB8063	Nguyễn Hoàng	Đức	20/11/2003	Lâm Đồng	8,33	8,0	Đạt	
21	BKCB8064	Trần Anh	Đức	28/11/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	8,67	9,0	Đạt	
22	BKCB8065	Dương Thị Thuý	Dung	06/08/1995	Hà Tĩnh	8,0	7,0	Đạt	
23	BKCB8066	Nguyễn Thị Phương	Dung	15/06/2001	Khánh Hòa	7,33	7,83	Đạt	
24	BKCB8067	Võ Thị Thu	Dung	12/03/2005	Bình Phước	10,0	8,17	Đạt	
25	BKCB8068	Nguyễn Thị Thu	Dung	02/01/2000	Bình Định	7,0	5,5	Đạt	
26	BKCB8069	Dư Thị Thúy	Duy	06/09/2003	Cà Mau	9,33	7,67	Đạt	
27	BKCB8070	Lê Thị Thúy	Duy	15/12/2002	Tây Ninh				Vắng
28	BKCB8071	Trần Hữu	Duy	26/07/2003	Đắk Lắk	9,33	8,5	Đạt	
29	BKCB8072	Trần Minh	Duy	30/09/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	7,0	7,83	Đạt	
30	BKCB8073	Vũ Phạm Bảo	Duy	22/01/2002	Bình Phước	9,0	7,67	Đạt	
31	BKCB8074	Nguyễn Thị	Duyên	20/02/2001	Đồng Nai	9,33	8,33	Đạt	
32	BKCB8075	Phạm Huỳnh Mỹ	Duyên	29/07/2001	Ninh Thuận	8,0	8,5	Đạt	
33	BKCB8076	Nguyễn Khánh Trà	Giang	02/11/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	3,0	0,0	Không đạt	
34	BKCB8077	Nguyễn Thị	Hà	12/10/2005	Đắk Lắk				Vắng
35	BKCB8078	Trịnh Thanh	Hà	07/11/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	7,67	5,5	Đạt	
36	BKCB8079	Nguyễn Ngọc Hoàn	Hải	21/12/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	7,0	1,33	Không đạt	Không pp,w,e
37	BKCB8080	Nguyễn Hoàng	Hân	08/12/2003	Đồng Tháp				Vắng

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
38	BKCB8081	Phan Dương Bảo	Hân	28/10/2003	Đà Nẵng	9,33	8,83	Đạt	
39	BKCB8082	Phan Thị Thanh	Hăng	23/03/2003	Bình Định	5,0	8,83	Đạt	
40	BKCB8083	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	24/11/1984	Bến Tre	10,0	9,0	Đạt	
41	BKCB8084	Nguyễn Nhật	Hào	27/02/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	9,33	7,83	Đạt	
42	BKCB8085	Phạm Minh	Hậu	05/07/2004	Đắk Nông	9,0	6,5	Đạt	
43	BKCB8086	Nguyễn Hữu	Hậu	06/12/1999	An Giang	9,0	8,67	Đạt	
44	BKCB8087	Phạm Thuý	Hiền	08/11/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	7,33	7,17	Đạt	
45	BKCB8088	Nguyễn Ngọc	Hiếu	13/01/2004	Bình Định	10,0	7,83	Đạt	
46	BKCB8089	Trần Trung	Hiếu	29/12/1998	Sơn La	8,0	9,33	Đạt	
47	BKCB8090	Tô Tuyết	Hoa	25/05/1999	Bến Tre	9,0	8,67	Đạt	
48	BKCB8091	Bùi Mạnh	Hoàng	22/02/2006	Đồng Nai				Vắng
49	BKCB8092	Lê Thị Tuyết	Hồng	09/09/2005	Phú Yên	9,33	7,67	Đạt	
50	BKCB8093	Lâm Kiến	Hưng	31/10/2000	Cà Mau	10,0	9,5	Đạt	
51	BKCB8094	Lưu Thuận	Hưng	04/01/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	7,33	6,17	Đạt	
52	BKCB8095	Phạm Khánh	Hưng	11/09/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	8,0	5,5	Đạt	
53	BKCB8096	Vũ Hoàng	Hưng	09/09/2006	Hải Phòng				Vắng
54	BKCB8097	Nguyễn Bích	Hường	25/09/1999	Ninh Bình	9,33	9,33	Đạt	
55	BKCB8098	Nguyễn Tô Phát	Huy	15/03/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	8,0	7,67	Đạt	
56	BKCB8099	Trần Khải	Huy	04/02/2004	Bình Thuận	5,0	8,0	Đạt	
57	BKCB8100	Huỳnh Quốc	Khải	03/12/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	6,0	7,83	Đạt	
58	BKCB8101	Lê Nguyên	Khải	22/07/2003	Thành Phố Hồ Chí Minh	8,33	8,0	Đạt	
59	BKCB8102	Trần Đình	Khánh	22/06/2006	Đồng Nai	9,0	6,0	Đạt	
60	BKCB8103	Lê Đăng	Khoa	02/10/1980	Vĩnh Long	8,0	6,33	Đạt	
61	BKCB8104	Phạm Huỳnh	Khuê	18/08/2005	Bình Định	10,0	9,33	Đạt	
62	BKCB8105	Mai Nguyễn Tuấn	Kiệt	10/09/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	8,67	9,5	Đạt	
63	BKCB8106	Dương Thị Hồng	Kim	16/04/2005	Đồng Nai	10,0	9,5	Đạt	
64	BKCB8107	Nguyễn Trần Thiên	Kim	28/03/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	9,33	9,17	Đạt	
65	BKCB8108	Lê Thị Ngọc	Liều	15/05/2005	Bình Dương	8,67	5,83	Đạt	
66	BKCB8109	Nguyễn Thùy	Linh	22/02/2005	Nghệ An	7,67	6,33	Đạt	
67	BKCB8110	Trần Yến	Linh	02/04/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	8,0	7,83	Đạt	
68	BKCB8111	Phan Thị Thùy	Linh	19/10/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	7,67	5,0	Đạt	
69	BKCB8112	Phạm Thị Mai	Loan	29/10/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	7,67	5,83	Đạt	
70	BKCB8113	Nguyễn Phi	Long	12/08/2004	Gia Lai	10,0	8,33	Đạt	
71	BKCB8114	Huỳnh Trúc	Ly	18/02/2005	Tiền Giang	9,67	8,17	Đạt	
72	BKCB8115	Nguyễn Thanh	Lý	19/06/2003	Quảng Ngãi	9,33	9,83	Đạt	
73	BKCB8116	La Trần Xuân	Mai	03/10/1999	An Giang	6,0	6,33	Đạt	
74	BKCB8117	Lê Nguyễn Hoàng	Mai	18/01/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	9,67	8,83	Đạt	
75	BKCB8118	Mai Thị Xuân	Mai	04/12/2005	Bà Rịa - Vũng Tàu	10,0	9,0	Đạt	
76	BKCB8119	Nguyễn Ngọc Phương	Mai	04/09/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	8,67	7,33	Đạt	
77	BKCB8120	Trần Võ Trúc	Mai	08/04/2003	Phú Yên	9,33	8,17	Đạt	
78	BKCB8121	Phạm Ngọc Ánh	Minh	12/08/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	8,33	9,17	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
79	BKCB8122	Trần Hồng Duy	Minh	21/09/2006	Đà Nẵng	6,67	5,5	Đạt	
80	BKCB8123	Vũ Tâm	Minh	15/05/1999	Đồng Nai	9,33	9,33	Đạt	
81	BKCB8124	Đỗ Văn	Minh	10/07/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	5,67	6,0	Đạt	
82	BKCB8125	Hoàng Thị Kiều	My	25/10/2004	Kiên Giang	8,67	9,67	Đạt	
83	BKCB8126	Nguyễn Hà	My	01/11/2000	Cà Mau				Vắng
84	BKCB8127	Nguyễn Thị	Mỹ	24/02/2005	An Giang	9,67	8,17	Đạt	
85	BKCB8128	Nguyễn Thị	Mỹ	01/01/2003	Lâm Đồng	9,0	6,67	Đạt	
86	BKCB8129	Võ Thị Thanh	Na	26/07/2006	Khánh Hòa	10,0	7,33	Đạt	
87	BKCB8130	Nguyễn Phương	Nam	06/01/2004	Tây Ninh	8,0	7,17	Đạt	
88	BKCB8131	Nguyễn Thị	Nâu	30/09/2003	Cà Mau	5,33	5,17	Đạt	
89	BKCB8132	Đặng Thị Kim	Ngân	02/06/2000	Bến Tre	8,67	7,5	Đạt	
90	BKCB8133	Trần Nguyễn Bảo	Ngân	24/11/2005	Bến Tre	9,67	8,33	Đạt	
91	BKCB8134	Nguyễn Trọng	Nghĩa	21/06/1998	Long An	6,67	5,33	Đạt	
92	BKCB8135	Võ Trương Hồng	Ngọc	03/08/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	8,33	7,67	Đạt	
93	BKCB8136	Nguyễn Thị Phương	Nguyên	24/08/2003	Tây Ninh	6,67	7,83	Đạt	
94	BKCB8137	Trần Bảo	Nguyên	12/05/2005	Khánh Hòa	9,33	9,67	Đạt	
95	BKCB8138	Ngô Nguyễn Thảo	Nguyên	09/09/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	10,0	9,5	Đạt	
96	BKCB8139	Bùi Thị Thanh	Nhân	19/07/2004	Tiền Giang	10,0	9,67	Đạt	
97	BKCB8140	Thanh Trọng	Nhân	05/02/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	8,0	8,67	Đạt	
98	BKCB8141	Đỗ Thị Thảo	Nhi	23/11/2004	Tây Ninh	7,0	7,67	Đạt	
99	BKCB8142	Phạm Thị Ý	Nhi	22/06/2001	Lâm Đồng	10,0	9,67	Đạt	
100	BKCB8143	Vy Thị Ý	Nhi	02/10/2000	Đắk Lắk	9,33	9,17	Đạt	
101	BKCB8144	Đặng Tâm	Như	19/11/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	9,33	6,17	Đạt	
102	BKCB8145	Huỳnh Ngọc	Như	27/06/2003	Sóc Trăng	6,33	6,67	Đạt	
103	BKCB8146	Lê Thị Huỳnh	Như	03/11/2002	An Giang				Vắng
104	BKCB8147	Nguyễn Bảo	Như	08/11/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	7,67	8,67	Đạt	
105	BKCB8148	Nguyễn Thị Ý	Như	24/03/2005	An Giang	9,67	9,0	Đạt	
106	BKCB8149	Nguyễn Thái Kim	Nhung	02/11/2005	Bà Rịa - Vũng Tàu	9,67	9,17	Đạt	
107	BKCB8150	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	19/05/2007	An Giang	8,67	7,33	Đạt	
108	BKCB8151	Lôi Đức	Phát	30/09/2003	An Giang	9,0	8,83	Đạt	
109	BKCB8152	Nguyễn Thanh Huy	Phát	11/12/1998	Quảng Ngãi	9,0	9,0	Đạt	
110	BKCB8153	Phạm Đại	Phát	26/04/2006	Nam Định	7,67	8,33	Đạt	
111	BKCB8154	Trần Huỳnh Hưng	Phát	27/10/2000	Khánh Hòa	6,33	6,5	Đạt	
112	BKCB8155	Lê Duy	Phong	22/03/1985	Thanh Hóa	9,67	8,83	Đạt	
113	BKCB8156	Nguyễn Trần Như	Phúc	03/01/2006	Bạc Liêu	8,0	6,33	Đạt	
114	BKCB8157	Vũ Hoàng Nhật	Phúc	23/06/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	10,0	9,0	Đạt	
115	BKCB8158	Hoàng Thiên	Phước	02/01/2000	Nam Định	9,33	8,5	Đạt	
116	BKCB8159	Trịnh Đình	Phước	01/02/2000	Đồng Nai	6,67	7,0	Đạt	
117	BKCB8160	Đặng Thu	Phương	31/08/2005	Kon Tum	9,67	9,5	Đạt	
118	BKCB8161	Nguyễn Hoàn	Phương	10/01/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	9,0	9,33	Đạt	
119	BKCB8162	Thái Thị Mai	Phương	24/03/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	9,0	9,17	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
120	BKCB8163	Đinh Chí Minh	Quân	18/10/2006	Đồng Nai	8,0	5,0	Đạt	
121	BKCB8164	Hoàng	Quân	01/04/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	6,67	2,33	Không đạt	
122	BKCB8165	Lê Minh	Quân	26/02/2005	Ninh Thuận	6,67	5,67	Đạt	
123	BKCB8166	Lưu Nhật	Quân	23/08/1999	Đắk Lắk	6,67	8,17	Đạt	
124	BKCB8167	Lê Đăng Minh	Quang	29/08/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	6,0	6,0	Đạt	
125	BKCB8168	Phạm Thiên	Quang	09/11/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	6,33	5,67	Đạt	
126	BKCB8169	Lê Thị	Quyền	27/01/2005	Ninh Thuận	9,0	8,0	Đạt	
127	BKCB8170	Lê Hoàng Như	Quỳnh	18/12/2005	Hà Tĩnh	9,0	9,17	Đạt	
128	BKCB8171	Nguyễn Ngọc Diễm	Quỳnh	25/04/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	9,33	9,83	Đạt	
129	BKCB8172	Nguyễn Tấn	Sang	24/01/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	9,0	9,0	Đạt	
130	BKCB8173	Huỳnh Thị Bích	Thắm	13/09/2003	Bình Định	6,33	5,33	Đạt	
131	BKCB8174	Nguyễn Hữu	Thành	26/01/2006	Lâm Đồng	8,67	6,83	Đạt	
132	BKCB8175	Phạm Trần	Thành	04/12/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	9,33	8,0	Đạt	
133	BKCB8176	Nguyễn Võ Thu	Thảo	05/10/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	8,67	7,5	Đạt	
134	BKCB8177	Nguyễn Thị Kim	Thoa	15/06/2003	Sóc Trăng	6,67	6,67	Đạt	
135	BKCB8178	Huỳnh Nguyễn Minh	Thu	28/09/2001	Lâm Đồng	9,67	8,33	Đạt	
136	BKCB8179	Nguyễn Thị Tuyết	Thu	30/07/2002	Bà Rịa - Vũng Tàu	9,33	9,5	Đạt	
137	BKCB8180	Nguyễn Thanh	Thư	02/06/2005	Phú Yên	9,67	7,33	Đạt	
138	BKCB8181	Lê Minh	Thuận	18/05/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	9,0	8,83	Đạt	
139	BKCB8182	Nguyễn Thị Hoài	Thương	30/11/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	9,0	9,67	Đạt	
140	BKCB8183	Nguyễn Thị	Thùy	18/09/2004	Thanh Hóa	9,33	9,67	Đạt	
141	BKCB8184	Lê Thị Thanh	Thùy	07/07/2005	Khánh Hòa	9,33	9,5	Đạt	
142	BKCB8185	Hồ Thị Hà	Tiên	09/03/2004	Bình Thuận	9,33	8,67	Đạt	
143	BKCB8186	Nguyễn Anh	Tiến	19/08/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	9,67	8,67	Đạt	
144	BKCB8187	Đàm Thị Cẩm	Tiên	22/06/2001	Tiền Giang	9,0	9,17	Đạt	
145	BKCB8188	Đặng Trung	Tín	23/03/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	7,33	8,83	Đạt	
146	BKCB8189	La Chí	Toàn	23/07/2006	Khánh Hòa	8,33	9,33	Đạt	
147	BKCB8190	Nguyễn Phạm Ngọc	Trâm	04/09/2008	Bình Dương	9,0	9,0	Đạt	
148	BKCB8191	Phạm Ngọc	Trân	28/02/2003	An Giang	10,0	7,17	Đạt	
149	BKCB8192	Viên Ngọc Bảo	Trân	09/11/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	7,33	7,33	Đạt	
150	BKCB8193	Vũ Ngọc Huyền	Trân	31/03/2001	Tây Ninh	10,0	9,17	Đạt	
151	BKCB8194	Vũ Ngọc Huyền	Trân	01/11/1992	Lâm Đồng	9,67	8,67	Đạt	
152	BKCB8195	Trần Thị Minh	Trang	30/10/2005	Lâm Đồng	9,67	8,67	Đạt	
153	BKCB8196	Trần Mạnh	Trí	20/11/2006	Gia Lai				Vắng
154	BKCB8197	Nguyễn Thị Lan	Trinh	14/01/2000	Lâm Đồng	10,0	9,17	Đạt	
155	BKCB8198	Nguyễn Thanh	Trúc	12/01/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	8,67	7,67	Đạt	
156	BKCB8199	Lê Huy	Tú	27/02/2001	Bến Tre	9,0	1,0	Không đạt	Không w, pp
157	BKCB8200	Nguyễn Quốc	Tuần	05/04/2000	Bình Phước	8,33	8,5	Đạt	
158	BKCB8201	Phạm Chu Thái	Tuần	08/05/2006	Đồng Nai	9,0	8,33	Đạt	
159	BKCB8202	Nguyễn Hữu Phúc	Tuệ	28/11/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	9,67	9,33	Đạt	
160	BKCB8203	Lê Trần Phương	Uyên	03/03/2001	Lâm Đồng	10,0	9,33	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
161	BKCB8204	Nguyễn Thị Hồng	Vân	03/04/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	9,0	7,83	Đạt	
162	BKCB8205	Huỳnh Thị Ái	Viên	20/01/2005	Quảng Ngãi	9,67	9,0	Đạt	
163	BKCB8206	Đặng Đình	Vinh	25/12/2001	Tiền Giang	6,67	8,17	Đạt	
164	BKCB8207	Đặng Ngọc Phúc	Vinh	25/05/2006	Đắk Lắk	6,0	4,33	Không đạt	
165	BKCB8208	Nguyễn Thành	Vinh	07/10/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	9,33	7,83	Đạt	
166	BKCB8209	Lưu Hoàng	Vũ	07/05/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	9,33	8,5	Đạt	
167	BKCB8210	Nguyễn Xuân	Vũ	23/01/2001	Thái Bình	9,0	9,0	Đạt	
168	BKCB8211	Nguyễn Đức	Vượng	22/06/1995	Đắk Lắk	8,33	7,67	Đạt	
169	BKCB8212	Bùi Thị Yến	Vy	02/04/2001	Lâm Đồng	9,33	7,83	Đạt	
170	BKCB8213	Trần Hồ Ngọc	Vy	06/04/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	8,33	7,83	Đạt	
171	BKCB8214	Võ Lan	Vy	22/07/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	9,33	8,17	Đạt	
172	BKCB8215	Nguyễn Lan	Vy	30/07/2005	Bạc Liêu	10,0	9,17	Đạt	
173	BKCB8216	Diệp Hải	Yến	23/04/2004	Sóc Trăng	6,33	7,33	Đạt	
174	BKCB8217	Ngô Thị Hải	Yến	11/03/2005	Tây Ninh	9,67	8,83	Đạt	
175	BKCB8218	Ngô Hoàng Bảo	Yến	22/11/2002	Đồng Nai	6,0	5,0	Đạt	

Kết quả Đạt: Điểm lý thuyết (Trắc nghiệm) >=5 và Điểm thực hành >=5

Số lượng thí sinh:

175

Số lượng hiện diện:

165

Số thí sinh đạt:

158

Thư ký Hội đồng

Chủ tịch Hội đồng

Ngô Quang Nhựt

Thoại Nam